

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 21/5/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Thực hiện Kết luận số 837/KL-HĐND ngày 04/12/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3315/TTr-SGDĐT ngày 18/10/2023 và Công văn số 3613/SGDĐT-KHTC ngày 14/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng: Các đơn vị sự nghiệp công lập gồm cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, cơ sở giáo dục trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục thường xuyên – Kỹ

thuật tổng hợp (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong cơ sở giáo dục Mầm non thực hiện theo Phụ lục I.
2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong cơ sở giáo dục Tiểu học thực hiện theo Phụ lục II.
3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong cơ sở giáo dục Trung học cơ sở thực hiện theo Phụ lục III.
4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong cơ sở giáo dục Trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục thường xuyên - Kỹ thuật tổng hợp thực hiện theo Phụ lục IV.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.
2. Trên cơ sở dự toán ngân sách được duyệt hàng năm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này và các quy định khác về quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện trang bị, mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 3 Quyết định;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đâu Thanh Tùng

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
(Kèm theo Quyết định số: /2023 /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Máy tính xách tay	Chiếc		03	
2	Máy vi tính để bàn	Bộ		03	
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ		03	
4	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
5	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc		01	
6	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		02	
7	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01 hệ thống/1 điểm trường	
8	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
9	Phần mềm quản lý nhà trường	Bộ		01	
10	Phần mềm quản lý văn bản	Bộ		01	
11	Phần mềm quản lý cán bộ, viên chức	Bộ		01	
12	Phần mềm kế toán	Bộ		01	
13	Phần mềm kê khai Bảo hiểm xã hội	Bộ		01	
14	Phần mềm quản lý thu và biên lai điện tử	Bộ		01	
15	Phần mềm quản lý dinh dưỡng	Bộ		01	
16	Phần mềm quản lý công tác bán trú	Bộ		01	
17	Phần mềm quản lý tài sản	Bộ		01	
18	Phần mềm phổ cập giáo dục	Bộ		01	
19	Các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý; hỗ trợ cho dạy, học khác	Bộ		01	
20	Máy photo	Cái		01	
21	Máy phát điện	Cái		01	
22	Tủ lưu học liệu, hồ sơ, học liệu thực hành	Cái		03	
23	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
24	Đàn Organ	Chiếc	02		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
II	THIẾT BỊ PHÒNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Mầm non	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010; Thông tư số 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/9/2013)		
2	Tủ hồ sơ	Cái	01		
3	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
4	Thiết bị trợ giảng	Bộ	01		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
III	THIẾT BỊ PHÒNG TIN HỌC			01 phòng/1 điểm trường	
1	Máy chủ	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	15		
3	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền internet	Bộ	01		
4	Bàn ghế máy tính	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Số lượng phù hợp với số trẻ và số máy tính được trang bị
5	Hệ thống điện	Hệ thống	01		
6	Tủ lưu trữ	Cái	01		
7	Máy in Laser	Chiếc	01		
8	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
9	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
10	Máy hút bụi	Cái	01		
11	Bộ lưu điện cho máy chủ	Bộ	01		
IV	THIẾT BỊ PHÒNG GIÁO DỤC NGHỆ THUẬT			Đối với trường có 01 điểm trường trang bị 02 phòng, trường có nhiều điểm trường trang bị 01 phòng/1 điểm trường	
1	Thảm trải sàn	Bộ	01		
2	Gương treo tường	Chiếc	02		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
3	Giống múa	Chiếc	02		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
5	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
6	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
7	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
8	Đàn Organ	Chiếc	02		
9	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
V	THIẾT BỊ PHÒNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT			Đối với trường có 01 điểm trường trang bị 02 phòng, trường có nhiều điểm trường trang bị 01 phòng/1 điểm trường	
1	Thảm trải sàn	Bộ		01	
2	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái		02	
3	Thiết bị chuyên dụng	Bộ		01	
4	Hệ thống âm thanh	Bộ		01	
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VI	THIẾT BỊ PHÒNG ĐA NĂNG			01 phòng/1 điểm trường	
1	Thảm trải sàn	Bộ		01	
2	Gương treo tường	Chiếc		02	
3	Giống múa	Chiếc		02	
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái		02	
5	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ		01	
6	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		01	
7	Hệ thống âm thanh	Bộ		01	
8	Đàn Organ	Chiếc		01	
10	Thiết bị chuyên dụng	Bộ		01	
11	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN			01 phòng	
1	Bục phát biểu	Cái		01	
2	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ		01	
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		01	
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ		01	
5	Hệ thống âm thanh	Bộ		01	
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ		Đảm bảo cho 01 cb, gv/01 chỗ ngồi	Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VIII	THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG HỌC			01 phòng/1 điểm trường	
1	Giường y tế	Cái	02		
2	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Tủ đựng thuốc	Cái	01		
5	Tủ hồ sơ	Cái	01		
6	Cáng cứu thương	Cái	01		
7	Thiết bị đo chiều cao, cân nặng	Bộ	01		
8	Máy đo huyết áp	Chiếc	02		
9	Máy đo SPO2	Chiếc	02		
10	Máy đo thân nhiệt hoặc nhiệt kế đo thân nhiệt	Chiếc	05		
11	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	01		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IX	ĐỒ CHƠI MẦM NON NGOÀI TRỜI				
A	Dùng cho nhà trẻ				
1	Bập bênh đơn	Chiếc		05	
2	Bập bênh đôi	Chiếc		05	
3	Con vật nhún di động	Chiếc		05	
4	Con vật nhún lò xo	Chiếc		05	
5	Con vật nhún khớp nối	Chiếc		05	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
6	Xích đu sàn lắc	Chiếc		02	
7	Cầu trượt đơn	Bộ		02	
8	Cầu trượt đôi	Bộ		02	
9	Đu quay mâm không ray	Bộ		02	
10	Đu quay mâm trên ray	Bộ		02	
11	Xe đạp chân	Chiếc		05	
12	Ô tô đạp chân	Chiếc		05	
B	Dùng cho mẫu giáo				
1	Bập bênh tròn	Chiếc		05	
2	Bập bênh để cong	Chiếc		05	
3	Con vật nhún di động	Chiếc		05	
4	Con vật nhún lò xo	Chiếc		05	
5	Con vật nhún khớp nối	Chiếc		05	
6	Xích đu sàn lắc	Chiếc		02	
7	Xích đu treo	Chiếc		02	
8	Cầu trượt đơn	Bộ		02	
9	Cầu trượt đôi	Bộ		02	
10	Đu quay mâm không ray	Bộ		02	
11	Đu quay mâm có ray	Bộ		02	
12	Cầu thăng bằng cố định	Bộ		02	
13	Cầu thăng bằng dao động	Bộ		02	
14	Thang leo	Bộ		02	
15	Nhà leo nằm ngang	Bộ		02	
16	Bộ vận động đa năng (Thang leo - Cầu trượt - Ống chui)	Bộ		02	
17	Cột ném bóng	Bộ		02	
18	Khung thành	Bộ		02	
19	Nhà bóng	Bộ		02	
20	Xe đạp chân	Chiếc		05	
21	Ô tô đạp chân	Chiếc		05	
22	Xe lắc	Chiếc		05	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
C	Dùng chung				
1	Bạt nhún	Chiếc		02	
2	Bộ đi thăng bằng	Bộ		02	
3	Bộ đồ chơi đánh gôn mini	Bộ		02	
4	Bộ đồ chơi giao thông	Bộ		02	
5	Bộ dụng cụ tập đi bộ trên không	Bộ		05	
6	Bộ dụng cụ tập thất lưng	Bộ		05	
7	Bộ dụng cụ tập xoay eo	Bộ		05	
8	Bộ leo dây kim tự tháp	Bộ		02	
9	Bộ thẻ chất đa năng	Bộ		02	
10	Bộ trò chơi bóng chày	Bộ		02	
11	Bộ trò chơi khúc côn cầu	Bộ		02	
12	Bộ vận động leo dây đa năng	Bộ		02	
13	Bộ vận động leo núi	Bộ		02	
14	Bộ vận động liên hoàn	Bộ		02	
15	Bộ xà đu thang leo liên hoàn	Bộ		02	
16	Cung chui	Bộ		02	
17	Góc thiên nhiên mái nồm	Bộ		02	
18	Hầm chui	Bộ		02	
19	Khu vui chơi liên hoàn	Bộ		02	
20	Khung thành	Bộ		02	
21	Nhà chơi lâu đài cầu trượt	Bộ		02	
22	Nhà leo nằm ngang	Bộ		02	
23	Ô tô trượt dốc	Bộ		02	
24	Thảm cỏ nhân tạo	Bộ		01	Trang bị phù hợp với quy mô, diện tích nhà trường
25	Thảm trải sàn	Bộ		01	Trang bị phù hợp với quy mô, diện tích nhà trường
26	Thang dây	Bộ		02	
27	Thang leo	Chiếc		02	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
28	Thang leo màng nhện	Bộ		02	
29	Tượng cô Tấm bên giếng nước	Bộ		02	
30	Tượng cổng vào vườn cổ tích	Chiếc		02	
31	Tượng Dê đen, Dê trắng	Bộ		02	
32	Tượng hươu cao cổ	Chiếc		02	
33	Tượng nai con	Chiếc		02	
34	Tượng nắm mẹ con	Bộ		02	
35	Tượng nàng Bạch Tuyết và 7 chú lùn	Bộ		02	
36	Tượng Thạch Sanh, Trăn tinh	Bộ		02	
37	Tượng Thánh Gióng	Bộ		02	
38	Tượng thiên nga	Chiếc		02	
39	Tượng ngựa vằn	Chiếc		02	
40	Tượng gấu đen	Chiếc		02	
41	Tượng con trâu	Chiếc		02	
42	Tượng con thỏ	Chiếc		02	
43	Vòng đua xe	Bộ		02	
44	Xà đu thể lực liên hoàn	Bộ		02	
45	Xà vòng đu	Bộ		02	
X	THIẾT BỊ, ĐỒ DÙNG NHÀ ĂN, NHÀ BẾP			Trang bị 01 bếp ăn/1 điểm trường	
	Danh mục trang thiết bị của 01 bếp ăn:				
1	Hệ thống lọc nước	Bộ		01	
2	Hệ thống bếp gas	Bộ		01	
3	Hệ thống bếp điện	Bộ		01	
4	Bếp hầm	Chiếc		01	
5	Bếp xào	Chiếc		01	
6	Nồi cơm điện	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
7	Hệ thống tủ cơm điện	Bộ		01	Căn cứ theo số học sinh
8	Hệ thống tủ cơm gas	Bộ		01	Căn cứ theo số học sinh
9	Nồi nấu cháo công nghiệp	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 nhóm/lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
10	Nồi đồ xôi công nghiệp	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
11	Tủ giữ nóng cơm canh	Bộ		01	Căn cứ theo số học sinh
12	Khay giữ nóng thức ăn	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
13	Nồi giữ nóng canh	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
14	Tủ lưu mẫu thức ăn	Chiếc		01	
15	Tủ mát bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
16	Tủ đông bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
17	Tủ mát - tủ đông, tủ lạnh	Chiếc		01	
18	Máy khử độc ozone	Chiếc		01	
19	Máy thái rau củ đa năng	Chiếc		01	
20	Máy xay thịt	Chiếc		01	
21	Máy xay cua	Chiếc		01	
22	Máy xay sinh tố	Chiếc		01	
23	Hệ thống tủ đựng bát đĩa	Bộ		01	Căn cứ theo số học sinh
24	Tủ sấy bát đĩa	Chiếc		01	
25	Bàn sơ chế thực phẩm	Chiếc		01	
26	Bàn soạn thực phẩm	Chiếc		01	
27	Bàn chặt thực phẩm	Chiếc		01	
28	Giá để xoong nồi	Chiếc		02	
29	Giá để thực phẩm	Chiếc		01	
30	Xe vận chuyển thực phẩm	Chiếc		02	
31	Thùng đựng gạo bằng inox	Chiếc		01	
32	Tum hút khói có phin lọc mỡ	Chiếc		01	
33	Máy giặt	Chiếc		01	
34	Máy sấy khăn	Chiếc		01	

Phụ lục II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC TIỂU HỌC
(Kèm theo Quyết định số: /2023 /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022</i>)		
3	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		02	
5	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01 hệ thống/điểm trường	
6	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
7	Phần mềm quản lý nhà trường	Bộ		01	
8	Phần mềm xếp thời khóa biểu	Bộ		01	
9	Phần mềm quản lý văn bản	Bộ		01	
10	Phần mềm quản lý cán bộ, viên chức	Bộ		01	
11	Phần mềm kế toán	Bộ		01	
12	Phần mềm kê khai Bảo hiểm xã hội	Bộ		01	
13	Phần mềm quản lý thu và biên lai điện tử	Bộ		01	
14	Phần mềm quản lý dinh dưỡng	Bộ		01	
15	Phần mềm quản lý công tác bán trú	Bộ		01	
16	Phần mềm quản lý tài sản	Bộ		01	
17	Phần mềm phổ cập giáo dục	Bộ		01	
18	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	Bộ		01	
19	Phần mềm giáo án điện tử (các môn học)	Bộ		01	
20	Phần mềm dạy học trực tuyến	Bộ		01	
21	Các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý; hỗ trợ cho dạy, học khác	Bộ		01	
22	Máy phát điện	Chiếc		01 cái/điểm trường	
II	THIẾT BỊ TRONG CÁC LỚP HỌC				

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
3	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Số lượng phù hợp với số học sinh/lớp
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Bảng viết đa năng	Cái	01		
6	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	01		
7	Thiết bị trợ giảng	Bộ	01		
8	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
9	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
10	Tủ đựng thiết bị	Cái	01		
III	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIN HỌC				
1	Thiết bị dạy học môn Tin học	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Tủ đựng thiết bị	Cái	01		
3	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
3	Tủ đựng thiết bị	Cái	01		
V	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Số lượng phù hợp với số học sinh/lớp

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
3	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
5	Tủ đựng thiết bị	Cái	01		
VI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Số lượng phù hợp với số học sinh/lớp
3	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Âm nhạc)	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
5	Tủ đựng thiết bị	Cái	01		
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Số lượng phù hợp với số học sinh/lớp
3	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Mĩ thuật)	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
5	Tủ đựng thiết bị	Cái		01	
VIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC ĐA CHỨC NĂNG				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Số lượng phù hợp với số học sinh/lớp
3	Tủ/giá đựng đồ dùng	Cái	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IX	THIẾT BỊ PHÒNG THƯ VIỆN				
1	Bộ bàn, ghế nhân viên	Bộ	01		
2	Bảng viết	Chiếc	01		
3	Máy vi tính để bàn (nhân viên)	Bộ	01		
4	Bộ bàn ghế vi tính bạn đọc	Bộ	10		
5	Máy vi tính để bàn (bạn đọc)	Bộ	10		
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
7	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho giáo viên	Bộ	Đảm bảo cho 01 GV/01 chỗ ngồi		Trang bị đảm bảo tối thiểu 20 chỗ
8	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Trang bị đảm bảo tối thiểu 35 chỗ
9	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	01		
10	Hệ thông tủ/giá/kệ chuyên dùng để sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa; tủ hoặc hộp mục lục, sổ mục lục, bảng đề giới thiệu sách.	Bộ	01		Phù hợp với quy mô của thư viện
11	Máy in Laser	Cái	01		
12	Máy Photocopy	Chiếc	01		
13	Máy hút bụi	Chiếc	01		
14	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ		01	
2	Bục phát biểu	Cái		01	
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		01	
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ		01	
5	Hệ thống âm thanh	Bộ		01	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ		Đảm bảo cho 01 CB, GV/01 chỗ ngồi	Theo quy mô và số CB, GV, NV
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XI	THIẾT BỊ PHÒNG TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG VÀ HỖ TRỢ GIÁO DỤC HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC HÒA NHẬP				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ		01	
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		01	
3	Máy in laser	Cái		01	
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ		Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi	
5	Thiết bị chuyên dụng	Bộ		01	
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XII	THIẾT BỊ PHÒNG TRUYỀN THÔNG				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ		01	
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		01	
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ		01	
4	Mô hình sa bàn phòng truyền thống	Bộ		01	
5	Hệ thống tủ/giá/kệ trưng bày	Bộ		01	Căn cứ quy mô của phòng
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG ĐỘI THIẾU NIÊN				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ		01	
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ		01	
3	Máy in laser	Cái		01	
4	Tủ hồ sơ	Cái		01	
5	Tivi	Cái		01	
6	Trống đội	Bộ		02	
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ		02	Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
XIV	THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG HỌC				
1	Giường y tế	Cái	02		
2	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Tủ đựng thuốc	Cái	01		
5	Tủ hồ sơ	Cái	01		
6	Cáng cứu thương	Cái	01		
7	Thiết bị đo chiều cao, cân nặng	Bộ	01		
8	Máy đo huyết áp	Chiếc	02		
9	Máy đo SPO2	Chiếc	02		
10	Máy đo thân nhiệt hoặc nhiệt kế đo thân nhiệt	Chiếc	05		
11	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XV	THIẾT BỊ, ĐỒ DÙNG NHÀ ĂN, NHÀ BẾP				
1	Hệ thống lọc nước	Bộ		01	
2	Hệ thống bếp gas	Bộ		01	
3	Hệ thống bếp điện	Bộ		01	
4	Bếp hầm	Chiếc		01	
5	Bếp xào	Chiếc		01	
6	Nồi cơm điện	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
7	Hệ thống tủ cơm điện	Chiếc		01	Căn cứ theo số học sinh
8	Hệ thống tủ cơm gas	Chiếc		01	Căn cứ theo số học sinh
9	Nồi nấu cháo công nghiệp	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
10	Nồi đồ xôi công nghiệp	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
11	Tủ giữ nóng cơm canh	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
12	Khay giữ nóng thức ăn	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	
13	Nồi giữ nóng canh	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
14	Tủ lưu mẫu thức ăn	Chiếc		01	
15	Tủ mát bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
16	Tủ đông bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
17	Tủ mát - tủ đông, tủ lạnh	Chiếc		01	
18	Máy khử độc ozone	Chiếc		01	
19	Máy thái rau củ đa năng	Chiếc		01	
20	Máy xay thịt	Chiếc		01	
21	Máy xay cua	Chiếc		01	
22	Máy xay sinh tố	Chiếc		01	
23	Tủ đựng bát đĩa	Chiếc		01	
24	Tủ sấy bát đĩa	Chiếc		01	
25	Bàn sơ chế thực phẩm	Chiếc		01	
26	Bàn soạn thực phẩm	Chiếc		01	
27	Bàn chặt thực phẩm	Chiếc		01	
28	Giá để xoong nồi	Chiếc		02	
29	Giá để thực phẩm	Chiếc		01	
30	Xe vận chuyển thực phẩm	Chiếc		02	
31	Thùng đựng gạo bằng inox	Chiếc		01	
32	Tum hút khói có phin lọc mỡ	Chiếc		01	
33	Máy giặt	Chiếc		01	
35	Máy sấy khăn	Chiếc		01	

* Đối với các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học: Căn cứ quy mô số lớp của từng trường để áp dụng tiêu chuẩn, định mức tương ứng đối với cấp học Tiểu học theo quy định tại Phụ lục này.

Phụ lục III
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số: /2023 /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp cấp THCS	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021)		
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022)		
3	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
4	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		02	
5	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01	
6	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micro, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
7	Hệ thống chấm thi trắc nghiệm (Bao gồm: Máy chấm thi và phần mềm chấm thi)	Bộ		03	
9	Phần mềm quản lý nhà trường	Bộ		01	
10	Phần mềm xếp thời khóa biểu	Bộ		01	
11	Phần mềm quản lý văn bản	Bộ		01	
12	Phần mềm quản lý cán bộ, viên chức	Bộ		01	
13	Phần mềm kế toán	Bộ		01	
14	Phần mềm kê khai Bảo hiểm xã hội	Bộ		01	
15	Phần mềm quản lý thu và biên lai điện tử	Bộ		01	
16	Phần mềm quản lý ngân hàng đề thi	Bộ		01	
17	Phần mềm quản lý tài sản	Bộ		01	
18	Phần mềm phổ cập giáo dục	Bộ		01	
19	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	Bộ		01	
20	Phần mềm giáo án điện tử (các môn học)	Bộ		01	
21	Phần mềm dạy học trực tuyến	Bộ		01	
22	Các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý; hỗ trợ cho dạy, học khác	Bộ		01	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
II	THIẾT BỊ TRONG CÁC LỚP HỌC				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Bảng viết đa năng	Cái	01		
5	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	01		
6	Thiết bị trợ giảng	Bộ	01		
7	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
III	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIN HỌC				
1	Thiết bị dạy học môn Tin học	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
V	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Cái	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
5	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
6	Thiết bị dạy học môn Khoa học tự nhiên	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Cái	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
4	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
4	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Âm nhạc)	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
2	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Mĩ thuật)	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
3	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IX	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC ĐA CHỨC NĂNG				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XI	THIẾT BỊ PHÒNG THƯ VIỆN			01 phòng	Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 27/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
1	Bộ bàn, ghế nhân viên	Bộ	01		
2	Bảng viết	Chiếc	01		
3	Máy vi tính để bàn (nhân viên)	Bộ	01		
4	Bộ bàn ghế vi tính bạn đọc	Bộ	10		
5	Máy vi tính để bàn (bạn đọc)	Bộ	10		
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
7	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho giáo viên	Bộ	Đảm bảo cho 01 GV/01 chỗ ngồi		Trang bị đảm bảo tối thiểu 20 chỗ
8	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		Trang bị đảm bảo tối thiểu 45 chỗ

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
9	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	01		
10	Hệ thống tủ/giá/kệ chuyên dùng để sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa; tủ hoặc hộp mục lục, sổ mục lục, bảng để giới thiệu sách.	Bộ	01		Căn cứ quy mô của thư viện
11	Máy in laser	Cái	01		
12	Máy Photocopy	Chiếc	01		
13	Máy hút bụi	Chiếc	01		
14	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Đảm bảo cho 01 CB, GV, NV/01 chỗ ngồi		Căn cứ quy mô của từng trường
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG VÀ HỖ TRỢ GIÁO DỤC HỌC SINH KHUYẾT TẬT HỌC HÒA NHẬP				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
5	Thiết bị chuyên dụng	Bộ	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XIV	THIẾT BỊ PHÒNG TRUYỀN THÔNG				

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Mô hình sa bàn phòng truyền thống	Bộ	01		
5	Hệ thống tủ/giá/kệ trưng bày	Bộ	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XV	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN, ĐỘI				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Tivi	Cái	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XVI	THIẾT BỊ PHÒNG CÁC TỔ CHUYÊN MÔN				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XVII	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
4	Tủ phòng thay đồ	Cái	02		
5	Thảm trải sàn	Bộ	01		Theo quy mô nhà đa năng
6	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	01		Theo quy mô nhà đa năng
XVIII	THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG HỌC				

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
1	Giường y tế	Cái	02		
2	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Tủ đựng thuốc	Cái	01		
5	Tủ hồ sơ	Cái	01		
6	Cáng cứu thương	Cái	01		
7	Thiết bị đo chiều cao, cân nặng	Bộ	01		
8	Máy đo huyết áp	Chiếc	02		
9	Máy đo SPO2	Chiếc	02		
10	Máy đo thân nhiệt hoặc nhiệt kế đo thân nhiệt	Chiếc	05		
11	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng

* Đối với các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học: Căn cứ quy mô số lớp của từng trường để áp dụng tiêu chuẩn, định mức tương ứng đối với cấp học Trung học cơ sở theo quy định tại Phụ lục này.

* Đối với các cơ sở giáo dục nội trú, bán trú, cơ sở giáo dục có học sinh ở nội trú theo quy định: Căn cứ quy mô số học sinh ở nội trú, bán trú được phê duyệt của từng trường để áp dụng tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cho phòng ở nội trú và các thiết bị nội trú quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

Phụ lục IV

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TRONG
CƠ SỞ GIÁO DỤC TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, BẢN TRÚ;
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN; TRUNG TÂM
GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN - KỸ THUẬT TỔNG HỢP**

(Kèm theo Quyết định số: /2023 /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
I	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT- BGDDT</i> ngày 30/12/2021)		
2	Thiết bị dạy học tối thiểu môn học quốc phòng và an ninh	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 19/2022/TT- BGDDT</i> ngày 22/12/2022)		
3	Hệ thống Camera giám sát phục vụ các kỳ thi	Hệ thống	Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban chỉ đạo thi của tỉnh.		
4	Máy scan (Máy quét ảnh, tài liệu)	Chiếc		02	
5	Bộ tăng âm loa máy hoạt động tập thể	Bộ		03	
6	Hệ thống chấm thi trắc nghiệm (Bao gồm: Máy chấm thi và phần mềm chấm thi)	Bộ		03	
7	Hệ thống Camera an ninh	Hệ thống		01	
8	Thiết bị phòng họp trực tuyến (Bao gồm: Camera, micrô, màn hình hiển thị, máy vi tính, thiết bị chuyển mạch, hệ thống âm thanh, phần mềm hội nghị trực tuyến, bộ lưu điện, tủ đựng thiết bị...)	Bộ		01	
9	Phần mềm quản lý nhà trường	Bộ		01	
10	Phần mềm xếp thời khóa biểu	Bộ		01	
11	Phần mềm quản lý văn bản	Bộ		01	
12	Phần mềm quản lý cán bộ, viên chức	Bộ		01	
13	Phần mềm kế toán	Bộ		01	
14	Phần mềm kê khai Bảo hiểm xã hội	Bộ		01	
15	Phần mềm quản lý thu và biên lai điện tử	Bộ		01	
16	Phần mềm quản lý ngân hàng đề thi	Bộ		01	
17	Phần mềm quản lý tài sản	Bộ		01	
18	Phần mềm phổ cập giáo dục	Bộ		01	
19	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục	Bộ		01	
20	Phần mềm thi tuyển sinh	Bộ		01	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
21	Phần mềm thi tốt nghiệp THPT	Bộ		01	
22	Phần mềm giáo án điện tử (các môn học)	Bộ		01	
23	Phần mềm dạy học trực tuyến	Bộ		01	
24	Các phần mềm hỗ trợ cho công tác quản lý; hỗ trợ cho dạy, học khác	Bộ		01	
25	Máy phát điện	Chiếc		01	
II	THIẾT BỊ TRONG CÁC LỚP HỌC				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Bảng viết đa năng	Cái	01		
5	Thiết bị dạy học trực tuyến	Bộ	01		
6	Thiết bị trợ giảng	Bộ	01		
7	Máy lọc nước tinh khiết	Bộ	01		
8	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
III	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN TIN HỌC				
1	Thiết bị dạy học môn Tin học	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
2	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bàn, ghế giáo viên (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh (đối với phòng học ngoại ngữ thông dụng)	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Thiết bị dạy học môn Ngoại ngữ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
V	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN VẬT LÝ				
1	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Hệ thống điện	Hệ thống	01		
4	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
5	Thiết bị dạy học môn Vật lý	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN HÓA HỌC				
1	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
4	Thiết bị dạy học môn Hóa học	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
VII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN SINH HỌC				
1	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá để thiết bị	Cái	04		
4	Thiết bị dạy học môn Sinh học	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
VIII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Hệ thống điện	Hệ thống	01		
4	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	04		
5	Thiết bị dạy học môn Công nghệ	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
IX	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN ÂM NHẠC				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
4	Thiết bị dạy học môn Âm nhạc	Bộ	Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
X	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN MĨ THUẬT				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Thiết bị dạy học môn Nghệ thuật (Mĩ thuật)	Bộ	Thực hiện theo Quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (<i>Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021</i>)		
4	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XI	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC ĐA CHỨC NĂNG				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XII	THIẾT BỊ PHÒNG HỌC BỘ MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI				
1	Bàn, ghế giáo viên	Bộ	01		
2	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 hs/01 chỗ ngồi		
3	Tủ/giá đựng thiết bị	Cái	02		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XIII	THIẾT BỊ PHÒNG THƯ VIỆN				
1	Bộ bàn, ghế nhân viên	Bộ	01		
2	Bảng viết	Chiếc	01		
3	Máy vi tính để bàn (nhân viên)	Bộ	01		
4	Bộ bàn ghế vi tính bạn đọc	Bộ	10		
5	Máy vi tính để bàn (bạn đọc)	Bộ	10		
6	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
7	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho giáo viên	Bộ	Đảm bảo cho 01 GV/01 chỗ ngồi		Trang bị đảm bảo tối thiểu 20 chỗ
8	Bộ bàn, ghế ngồi đọc cho học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 HS/01 chỗ ngồi		Trang bị đảm bảo tối thiểu 45 chỗ
9	Phần mềm quản lý thư viện	Bộ	01		
10	Hệ thống tủ/giá/kệ chuyên dùng để sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa; tủ hoặc hộp mục lục, sổ mục lục, bảng đề giới thiệu sách.	Bộ	01		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
11	Máy in laser	Cái	01		
12	Máy Photocopy	Chiếc	01		
13	Máy hút bụi	Chiếc	01		
14	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XIV	THIẾT BỊ PHÒNG HỌP CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
5	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
6	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	Đảm bảo cho 01 GV/01 chỗ ngồi		Căn cứ theo số cán bộ, giáo viên, nhân viên
7	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XV	THIẾT BỊ PHÒNG TƯ VẤN HỌC ĐƯỜNG				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Bàn, ghế học sinh	Bộ	Đảm bảo cho 01 HS/01 chỗ ngồi		
5	Thiết bị chuyên dụng	Bộ	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XVI	THIẾT BỊ PHÒNG TRUYỀN THÔNG				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy chiếu hoặc màn hình hiển thị	Bộ	01		
4	Mô hình sa bàn phòng truyền thống	Bộ	01		
5	Hệ thống tủ/giá/kệ trưng bày	Bộ	01		Căn cứ quy mô của phòng

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XVII	THIẾT BỊ PHÒNG ĐOÀN THANH NIÊN				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Tivi	Cái	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XVIII	THIẾT BỊ PHÒNG CÁC TỔ CHUYÊN MÔN				
1	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
2	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
3	Máy in laser	Cái	01		
4	Tủ hồ sơ	Cái	01		
5	Bàn, ghế phòng họp	Bộ	01		
6	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XIX	THIẾT BỊ NHÀ ĐA NĂNG				
1	Bục tượng Bác và tượng Bác	Bộ	01		
2	Bục phát biểu	Cái	01		
3	Hệ thống âm thanh	Bộ	01		
7	Tủ phòng thay đồ	Cái	02		
9	Thảm trải sàn	Bộ	01		Theo quy mô nhà đa năng
10	Các bộ dụng cụ các môn thể dục thể thao	Bộ	01		Theo quy mô nhà đa năng
1	Giường y tế	Cái	02		
2	Bàn, ghế nhân viên y tế	Bộ	01		
3	Máy tính để bàn/hoặc máy tính xách tay	Bộ	01		
4	Tủ đựng thuốc	Cái	01		

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
XX	THIẾT BỊ Y TẾ TRƯỜNG HỌC				
5	Tủ hồ sơ	Cái	01		
6	Cáng cứu thương	Cái	01		
7	Thiết bị đo chiều cao, cân nặng	Bộ	01		
8	Máy đo huyết áp	Chiếc	02		
9	Máy đo SPO2	Chiếc	02		
10	Máy đo thân nhiệt hoặc nhiệt kế đo thân nhiệt	Chiếc	05		
11	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
XXI	THIẾT BỊ PHÒNG Ở NỘI TRÚ HỌC SINH				
1	Giường tầng học sinh	Chiếc	Đảm bảo cho 01 HS/01 chỗ		Căn cứ theo số học sinh
2	Tủ đựng đồ dùng cá nhân cho học sinh	Chiếc	Đảm bảo cho 01 HS/01 chỗ		Căn cứ theo số học sinh
3	Tủ đựng chăn, chiếu, màn	Cái	01		Căn cứ theo số học sinh
4	Giá sách	Chiếc	01		Căn cứ theo số học sinh
5	Điều hòa nhiệt độ	Bộ	02		Đảm bảo công suất theo m ³ của phòng
6	Bình nóng lạnh	Bộ	01		
XXII	THIẾT BỊ NỘI TRÚ, NHÀ BẾP				
1	Bàn, ghế nhà ăn	Bộ		Đảm bảo cho 01 HS/01 chỗ	Căn cứ theo số học sinh
2	Hệ thống lọc nước	Bộ		01	
3	Hệ thống bếp gas	Bộ		01	
4	Hệ thống bếp điện	Bộ		01	
5	Hệ thống Bếp hầm	Bộ		01	
6	Hệ thống Bếp xào	Bộ		01	
7	Hệ thống Nồi cơm điện	Bộ		01	
8	Hệ thống Tủ cơm điện	Bộ		01	
9	Hệ thống Tủ cơm gas	Bộ		01	
10	Hệ thống Nồi nấu cháo công nghiệp	Bộ		01	
11	Hệ thống Nồi đồ xôi công nghiệp	Bộ		01	

STT	Tên thiết bị - đồ dùng - học liệu	Đơn vị tính	Số lượng tối đa		Ghi chú
			Số lượng cho 1 lớp, phòng	Số lượng cho 1 trường	
12	Tủ giữ nóng cơm canh	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	Căn cứ theo số học sinh
13	Khay giữ nóng thức ăn	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	Căn cứ theo số học sinh
14	Nồi giữ nóng canh	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	Căn cứ theo số học sinh
15	Tủ lưu mẫu thức ăn	Chiếc		01	
16	Tủ mát bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
17	Tủ đông bảo quản thực phẩm	Chiếc		01	
18	Tủ mát - tủ đông, tủ lạnh	Chiếc		01	
19	Máy khử độc ozone	Chiếc		01	
20	Máy thái rau củ đa năng	Chiếc		01	
21	Máy xay thịt	Chiếc		01	
22	Máy xay cua	Chiếc		01	
23	Máy xay sinh tố	Chiếc		01	
24	Tủ đựng bát đĩa	Chiếc		01 chiếc/30 học sinh	Căn cứ theo số học sinh
25	Tủ sấy bát đĩa	Chiếc		01	
26	Bàn sơ chế thực phẩm	Chiếc		01	
27	Bàn soạn thực phẩm	Chiếc		01	
28	Bàn chặt thực phẩm	Chiếc		01	
29	Giá để xoong nồi	Chiếc		02	
30	Giá để thực phẩm	Chiếc		01	
31	Xe vận chuyển thực phẩm	Chiếc		02	
32	Thùng đựng gạo bằng inox	Chiếc		01	
33	Tum hút khói có phin lọc mỡ	Chiếc		01	
35	Máy giặt công nghiệp	Chiếc		01	
36	Máy phát điện	Chiếc		01	

* Đối với các cơ sở giáo dục có nhiều cấp học: Căn cứ quy mô số lớp của từng trường để áp dụng tiêu chuẩn, định mức tương ứng đối với cấp học trung học phổ thông theo quy định tại Phụ lục này.

* Đối với các cơ sở giáo dục nội trú, bán trú, cơ sở giáo dục có học sinh ở nội trú theo quy định, trường chuyên: Căn cứ quy mô số học sinh ở nội trú, bán trú được phê duyệt của từng trường để áp dụng tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cho phòng ở nội trú và các thiết bị nội trú quy định tại Phụ lục này.